

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59** /2021/DS-ST

Ngày: 14/4/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Lợi

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Trọng

Ông Nguyễn Ngọc Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 137/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2021/QĐST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP QT VN (viết tắt là VIB).

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, Tòa nhà S, số 111A P, phường BN, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Trần Thùy P, ông Đồng Phú V1- Cán bộ Ngân hàng TMCP QT VN theo Giấy ủy quyền số 53050.20 ngày 13/11/2020 và số 05512.21 ngày 05/4/2021.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Xóm Đ, thôn PY, xã TY, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Duy L, sinh năm 1996 (con bà X).

Nơi cư trú: Xóm Đ, thôn PY, xã TY, huyện CM, Thành phố Hà Nội .

Có mặt: Bà Trần Thùy P, ông Đồng Phú V.

Vắng mặt: Bà Nguyễn Thị X, anh Nguyễn Duy L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình tiến hành tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

1.1. Về nội dung của Hợp đồng tín dụng số 5.0059.19.037.HĐTD ngày 08/3/2019; Đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 5.0059.19.037.KUNN ngày 08/3/2019:

Ngày 08/3/2019, Ngân hàng TMCP QT VN - Chi nhánh ĐĐ - PGD XD (sau đây viết tắt là VIB) và bà Nguyễn Thị X đã ký Hợp đồng tín dụng cho vay tiêu dùng số 5.0059.19.037.HĐTD; Đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 5.0059.19.037.KUNN ngày 08/3/2019 với nội dung cơ bản như sau:

- Số tiền vay: **250.000.000** đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng);
- Thời hạn vay: 96 tháng kể từ ngày 09/3/2019 đến ngày 08/3/2027.
- Lãi suất vay:
 - + Lãi suất tại thời điểm giải ngân 12%/năm
 - + Lãi suất này sẽ được VIB điều chỉnh 03 tháng /lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,6%/năm.
- Mục đích vay: Mua sắm vật dụng gia đình;
- Phương thức trả nợ:
 - + Nợ gốc: Hoàn trả khoản vay gốc vào ngày 26 hàng tháng. Số tiền gốc trả hàng tháng là 2.605.000 đồng. Số tiền còn lại trả vào cuối kỳ.
 - + Nợ lãi: Hoàn trả lãi vào ngày 26 hàng tháng theo dư nợ thực tế. Ngày trả nợ gốc, lãi đầu tiên là ngày 26/3/2019. Ngày trả nợ gốc, lãi cuối cùng là ngày 08/3/2027.

Thực hiện đúng Hợp đồng tín dụng, VIB đã giải ngân cho bà X đủ số tiền 250.000.000 đồng.

1.2. Tài sản bảo đảm:

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên bà Nguyễn Thị X đã thế chấp khối tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 114B, tờ bản đồ số 03, diện tích 129m² tại địa chỉ xóm Đ, thôn PY, xã TY, huyện CM, Thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 008044, vào sổ cấp GCN số: 00649.QSĐĐ/324/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện CM, tỉnh Hà Tây (nay là Tp. Hà Nội) cấp ngày 18/6/2002 cho hộ ông Nguyễn Duy B. Ngày 08/10/2018, Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện CM đã đính chính nội dung chiều dài cạnh giáp đường xóm trên sơ đồ trang 3 GCNQSDĐ có sai sót, được đính chính lại thành cạnh dài 13,4m theo biên bản kiểm tra của VPĐK đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện CM ngày 08/10/2018; Ngày 09/10/2018, để thừa kế, tặng cho bà Nguyễn Thị X. Hợp đồng thế chấp số công chứng 236; quyền số 01 TP/CC – SCC/HĐGD ngày 07/3/2019 tại Văn phòng công chứng HT, Tp. Hà Nội và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện CM.

1.3. **Quá trình thực hiện hợp đồng:** Bà X đã trả được **48.595.179** đồng, trong đó tiền gốc: **28.655.000** đồng; tiền lãi trong hạn: **19.588.577** đồng, tiền lãi quá hạn: **351.602** đồng.

Do bà Nguyễn Thị X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 23/4/2020 VIB đã ra quyết định thu hồi toàn bộ khoản vay trước hạn.

1.4. **Quan điểm, yêu cầu khởi kiện:** VIB đề nghị Tòa án :

- Buộc bà Nguyễn Thị X phải trả VIB số tiền nợ tạm tính đến ngày **23/4/2020** là **234.124.137** đồng, trong đó nợ gốc: **221.345.000** đồng; nợ lãi trong hạn: **12.501.436** đồng; nợ lãi quá hạn: **277.701** đồng. Bà Nguyễn Thị X phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày **24/4/2020** cho đến ngày trả hết khoản nợ.

- Đề nghị được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp nêu trên trong trường hợp bà X không trả nợ cho VIB. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà X vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho VIB.

2. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị X: Đã được giao Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên bà X không tham gia tố tụng để trình bày và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – anh Nguyễn Duy L trình bày: Việc vay và trả nợ giữa mẹ anh là bà X và ngân hàng anh không nắm được. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà X trả nợ, anh đề nghị ngân hàng tạo điều kiện cho bà X trả nợ dần và miễn giảm lãi để bà X trả nợ và lấy lại tài sản cho gia đình. Do công việc bận nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

4. Ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa:

4.1. Ý kiến của nguyên đơn: VIB giữ yêu cầu khởi kiện đề nghị bà Nguyễn Thị X phải trả số tiền nợ tạm tính đến ngày **14/4/2021** là: **264.746.452 đồng**, trong đó nợ gốc: **221.345.000 đồng**; nợ lãi trong hạn: **35.733.678 đồng**; nợ lãi quá hạn: **7.667.774 đồng**.

Buộc bà X phải tiếp tục chịu lãi trên dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày **15/4/2021** cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Đề nghị được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp trong trường hợp bà X không trả nợ cho VIB. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà X vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho VIB.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đã được Tòa án yêu cầu tham gia đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng. Tuy nhiên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể:

Buộc bị đơn phải trả nguyên đơn tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày **14/4/2021** là: **264.746.452 đồng**, trong đó nợ gốc: **221.345.000 đồng**; nợ lãi trong hạn: **35.733.678 đồng**; nợ lãi quá hạn: **7.667.774 đồng**.

Buộc bị đơn tiếp tục chịu lãi trên dư nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày **15/4/2021**.

Xác định Hợp đồng thế chấp là có hiệu lực pháp luật và có hiệu lực thi hành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nguyễn Thị X cư trú tại xã TY, huyện CM, Tp. Hà Nội. VIB khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về áp dụng pháp luật nội dung: Thời điểm giao kết Hợp đồng tín dụng năm 2019 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và các luật đang có hiệu lực để giải quyết tranh chấp.

1.3. Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Những người này đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung.

2.1. Xét yêu cầu về quan hệ tín dụng:

Ngày 08/3/2019, Ngân hàng TMCP QT VN (VIB) - Chi nhánh ĐĐ - PGD XD và bà Nguyễn Thị X đã ký Hợp đồng tín dụng số 5.0059.19.037.HĐTD; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5.0059.19.037.KUNN ngày 08/3/2019 với nội dung như sau: Số tiền vay: **250.000.000 đồng**; mục đích vay: Mua sắm vật dụng gia đình. Nội dung của Hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật.

Xác định Hợp đồng tín dụng số 5.0059.19.037 có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng.

Thực hiện đúng Hợp đồng tín dụng, VIB đã giải ngân cho bà X đủ số tiền 250.000.000 đồng. Như vậy VIB đã thực hiện đúng thỏa thuận trong Hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà X đã trả cho VIB số tiền là: **48.595.179 đồng**, trong đó tiền gốc: **28.655.000 đồng**; tiền lãi trong hạn: **19.588.577 đồng**; tiền lãi quá hạn: **351.602 đồng**.

Do bà X vi phạm các nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nên ngày 23/4/2020, VIB đã ra quyết định thu hồi toàn bộ khoản vay trước hạn. Như vậy, bà X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và bị xác định là vi phạm hợp đồng. Do đó VIB khởi kiện đề nghị buộc bà X phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ kèm theo là có căn cứ pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ bảng thống kê chi tiết về khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng do nguyên đơn cung cấp; căn cứ quy định tại Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Theo đó buộc bà X phải trả VIB tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày **14/4/2021** là: **264.746.452 đồng**, trong đó nợ gốc là **221.345.000 đồng**; nợ lãi trong hạn là **35.733.678 đồng**; nợ lãi quá hạn là **7.667.774 đồng**.

Kể từ ngày **15/4/2021**, bà X còn phải tiếp tục chịu lãi trên dư nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

2.2. Xét yêu cầu về việc xử lý tài sản bảo đảm:

Hợp đồng thế chấp số công chứng 236 Quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/3/2019 tại Văn phòng công chứng HT, Tp. Hà Nội giữa bên thế chấp là bà Nguyễn Thị X với bên nhận thế chấp là VIB. Đối tượng thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 114B, tờ bản đồ số 03, diện

tích 129m² tại địa chỉ xóm Đ, thôn PY, xã TY, huyện CM, Tp. Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 008044 do UBND huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (nay là Tp. Hà Nội) cấp ngày 18/6/2002 cho hộ ông Nguyễn Duy B. Ngày 08/10/2018 Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện CM đã đính chính nội dung chiều dài cạnh giáp đường xóm trên sơ đồ trang 3 GCN QSDĐ thành “Cạnh dài 13,4m” theo biên bản kiểm tra của VPĐK đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện CM ngày 08/10/2018. Ngày 09/10/2018, đăng ký biến động đất đai để thừa kế, tặng cho bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1971, chứng minh nhân dân số: 017382072 theo hồ sơ số 1824001045 BD tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện CM.

Xét tính pháp lý của Hợp đồng thế chấp ký ngày 07/3/2019 đã tuân thủ đúng quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 167, Điều 179 Luật đất đai năm 2013 về hình thức hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về việc sửa đổi, bổ sung NĐ số 163/2006/NĐ-CP của Chính phủ. Theo đó thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp nêu trên có hiệu lực pháp luật thi hành.

Do vậy: Yêu cầu của nguyên đơn đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm nêu trên trong trường hợp bị đơn không thanh toán được khoản nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự 2015 và phù hợp với thỏa thuận tại Điều 9 của Hợp đồng thế chấp, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo đó: Trường hợp, bà X không thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ, VIB có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ.

Trong trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp thì ngoài các đương sự trong vụ án đang cư trú tại diện tích nhà đất nêu trên, nếu tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm có người khác đang thực tế sinh sống cùng với các đương sự cũng phải có nghĩa vụ thi hành án.

Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà X vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho VIB.

Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là thửa đất số 114B có: Bà Nguyễn Thị X, anh Nguyễn Duy L đang ăn ở, sinh sống trên đất, ngoài ra không có ai khác.

2.3. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của VIB được chấp nhận nên không phải chịu án phí, hoàn trả VIB số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 264.746.452 đồng x 5 % = 13.237.323 đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 280, 299, 317, 323, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 167, Điều 179 Luật Đất đai năm 2013;

Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày

22/02/2012 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP QT VN (VIB) đối với bà Nguyễn Thị X về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng số 5.0059.19.037 ngày 08/3/2019.

2. Về trách nhiệm trả nợ: Buộc bà Nguyễn Thị X phải trả Ngân hàng TMCP QT VN (VIB) số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 5.0059.19.037 ngày 08/3/2019, tạm tính đến ngày **14/4/2021** là **264.746.452 đồng**, trong đó nợ gốc là **221.345.000 đồng**; nợ lãi trong hạn là **35.733.678 đồng**; nợ lãi quá hạn là **7.667.774 đồng**.

Kể từ ngày **15/4/2021**, bà Nguyễn Thị X còn phải tiếp tục chịu lãi suất đối với số tiền gốc còn nợ cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 5.0059.19.037 ngày 08/3/2019.

3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp bà Nguyễn Thị X không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì VIB có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 114B, tờ bản đồ số 03, diện tích 129m² tại địa chỉ xóm Đ, thôn PY, xã TY, huyện CM, Tp. Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 008044, sổ vào sổ cấp GCNQSDĐ 00649 QSDĐ/324/QĐ-UB do UBND huyện CM, tỉnh Hà Tây (nay là Tp. Hà Nội) cấp ngày 18/6/2002 cho hộ ông Nguyễn Duy B. Ngày 08/10/2018 Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện CM đã đính chính nội dung chiều dài cạnh giáp đường xóm trên sơ đồ trang 3 GCN QSDĐ thành “Cạnh dài 13,4m” theo biên bản kiểm tra của VPĐK đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện CM ngày 08/10/2018. Ngày 09/10/2018, đăng ký biến động đất đai để thừa kế, tặng cho bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1971, chứng minh nhân dân số: 017382072 theo hồ sơ số 1824001045 BD tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện CM.

Hợp đồng thế chấp số công chứng 236 Quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/3/2019 tại Văn phòng công chứng HT, Tp. Hà Nội giữa Ngân hàng TMCP QT VN – Chi nhánh Hai Bà Trưng với bà Nguyễn Thị X.

Trong trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp thì ngoài các đương sự trong vụ án đang cư trú tại diện tích nhà đất nêu trên, nếu tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm có người khác đang thực tế sinh sống cùng với các đương sự cũng phải có nghĩa vụ thi hành án.

Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Nguyễn Thị X vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho VIB.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải chịu **13.237.323 đồng** án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP QT VN (VIB) tiền tạm ứng án phí đã nộp là **6.000.000 đồng** (Sáu triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0010105 ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội.

5. Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

6. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- Dương sự;
- Lưu VP/HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Lợi